

Bản án số: 71/2017/HN-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v: “*Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phương Tích

2. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

- *Thư ký Phiên Tòa:* Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia Phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2017/TLST-HNGĐ Ný 07/8/2017 về việc: “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST-HN ngày 28/8/2017 và quyết định hoãn Phiên tòa số: 31/2017/QĐST - HN ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trang Ngọc N, sinh năm 1995; trú tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1989; trú tại ấp Tân An, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2017, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trang Ngọc N trình bày:

Chị và anh P tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/11/2015. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là do anh P nhiều lần lừa dối chị và ham mê cờ bạc mặc dù chị và gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P vẫn không sửa đổi nên mâu thuẫn giữa hai bên càng thêm gay gắt và hiện không còn khả năng hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh P. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Theo bản tự khai ngày 17/8/2017 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần

Hoàng P trình bày:

Anh đồng ý với trình bày của chị N về thời điểm kết hôn và thời điểm vợ chồng ly thân. Nguyên nhân chính dẫn đến sự bất hòa giữa hai bên là do trong thời gian chung sống anh ham chơi cờ bạc làm thất thoát số tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên hiện anh vẫn còn tình cảm với chị N, mong muốn chị N cho thêm cơ hội để hàn gắn nên không đồng ý ly hôn. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Trang Ngọc N giữ nguyên trình bày, yêu cầu ly hôn với anh P. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

- Anh Trần Hoàng P vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt thể hiện việc từ chối thực hiện các quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị N và anh P kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/11/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn nên hai bên sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh P mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng lại không thể hiện thiện chí hàn gắn và vắng mặt tại Phiên tòa. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có. Do đó, áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa, anh Trần Hoàng P vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân: Do chị N và anh P kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/11/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, anh P ham mê cờ bạc nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không thể khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nguyên đơn phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trang Ngọc N đối với anh Trần Hoàng P.
2. Con chung: Không có.
3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.
4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trang Ngọc N phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007427 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó án phí sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ba Tri;
- Phòng giám đốc kiểm tra;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Ba Tri;
- UBND xã C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa Phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên